| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 101/2021/DS-PT
Ngày: 27/01/2021.
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thủy.

*Các Thẩm phán:*

1/ Ông Nguyễn Minh Quang

2/ Bà Lê Thị Ngọc Hương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên – Thư ký phiên tòa

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 585/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về "tranh chấp đòi tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C.

Địa chỉ: Số 69C đường Đoàn Thị N, xã Trung A, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn V, sinh năm 1951 – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1961 (theo giấy ủy quyền ngày 05/4/2020). Địa chỉ: Số 207/22 đường Trần Bình T, Phường B, Quận N, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 26 Nội khu H 2, phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1984 (theo giấy ủy quyền số công chứng 00013214 quyển 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/9/2020 tại Văn phòng Công chứng T).

Địa chỉ: 26 Nội khu F 2, phường T, Quận B, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc S - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2020, ngày 04/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng H trình bày:*

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C cho bà Nguyễn Thị Kim L vay tín chấp theo Hợp đồng hỗ trợ vốn bằng tài sản thế chấp số 0709/2009/HTV.AFI ngày 19/9/2009, số tiền vay 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng, thời hạn vay 02 (hai) tháng, ngày đến hạn 18/11/2009 và Hợp đồng hỗ trợ vốn bằng tài sản thế chấp số 0110/2009/HTV.AFI ngày 02/10/2009 số tiền cho vay 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng, thời hạn vay 26 (hai mươi sáu) ngày, ngày đến hạn 28/10/2009. Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất các thửa 132, 133, 134, 145, 136, 137, 138, 925, 926, 928, 887, diện tích 7.339m$^2$, tọa lạc tại ấp Phước Hg, xã T, huyện C, Thành phố H; Quyền sử dụng đất thửa 04, diện tích 33.210m$^2$, tọa lạc tại xã N, huyện H, thành phố Đ; Quyền sử dụng đất thửa 240, diện tích 9.508m$^2$, tọa lạc tại xã S, huyện H, thành phố Đ.

Do gặp khó khăn trong làm ăn nên Bà Nguyễn Thị Kim L không thanh toán theo đúng thỏa thuận. Ngày 22/01/2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C và Bà Nguyễn Thị Kim L tiến hành đối chiếu nợ và lập Biên bản làm việc số 220115/TB.AFI ngày 22/01/2015 xác nhận: Bà Nguyễn Thị Kim L còn nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C, cụ thể:

+ Hợp đồng số 0709/2009/HTV.AFI ngày 19/9/2009, tổng số tiền nợ: 6.345.570.000 (Sáu tỷ ba trăm bốn mươi năm triệu năm trăm bảy mươi nghìn) đồng, trong đó: Tiền gốc 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng, tiền lãi 3.345.570.000 (Ba tỷ ba trăm bốn mươi năm triệu năm trăm bảy mươi nghìn) đồng.

+ Hợp đồng số 0110/2009/HTV.AFI ngày 02/10/2009, tổng số tiền nợ: 6.345.159.000 (Sáu tỷ ba trăm bốn mươi năm triệu một trăm năm mươi chín nghìn) đồng, trong đó: Tiền gốc 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng, tiền lãi 3.345.159.000 (Ba tỷ ba trăm bốn mươi năm triệu một trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

Tổng cộng: 12.690.729.000 (Mười hai tỷ sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Bà L cam kết sẽ trả ngay khoản nợ trên, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C liên tục gọi điện cũng như cho người đến nhà yêu cầu Bà Nguyễn Thị Kim L có trách nhiệm phải thanh toán toàn bộ khoản tiền là 12.690.729.000 (Mười hai tỷ sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng) đồng và lãi vay phát sinh theo quy định của pháp luật nhưng Bà Nguyễn Thị Kim L vẫn không có bất kỳ động thái nào để trả nợ.

Ngày 14/02/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C gửi văn bản thông báo yêu cầu Bà Nguyễn Thị Kim L thanh toán dứt điểm số tiền 12.690.729.000 (Mười hai tỷ sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn) đồng và lãi phát sinh trong trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày, hạn

chót là ngày 29/02/2020. Nhưng Bà Nguyễn Thị Kim L không có bất kỳ phản hồi nào cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C. Do vậy, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Kim L phải trả số tiền nợ 12.690.729.000 (Mười hai tỷ sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng) đồng và lãi chậm trả được tính từ ngày 22/01/2015 đến ngày 06/4/2020 là 62 tháng: 12.690.729.000 đồng x 62 tháng x 1,35%/tháng = 10.622.000.000 đồng. Tổng cộng là 23.312.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim L không thanh toán nợ theo đúng thỏa thuận, nên hai bên thỏa thuận giải quyết xong tài sản bảo đảm và thực hiện xác nhận công nợ tại Biên bản làm việc số 220115/TB.AFI ngày 22/01/2015. Nay nguyên đơn căn cứ vào Biên bản làm việc số 220115/TB.AFI ngày 22/01/2015, yêu cầu Tòa án buộc Bà Nguyễn Thị Kim L có trách nhiệm phải trả một lần số tiền nợ là 12.690.729.000 (Mười hai tỷ sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi thực hiện xác nhận công nợ tại Biên bản làm việc số 220115/TB.AFI ngày 22/01/2015, Bà L có cam kết sẽ trả ngay khoản nợ, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C liên tục gọi điện cũng như cho người đến nhà yêu cầu Bà L có trách nhiệm phải thanh toán nợ, nhưng nguyên đơn không lập thành văn bản, không lưu giữ tài liệu tài liệu, chứng cứ gì nên không thể nộp cho Tòa án để chứng minh việc đòi nợ, do vậy, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện buộc Bà Nguyễn Thị Kim L trả tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 22/01/2015 đến ngày 06/4/2020 là 62 tháng: 12.690.729.000 đồng x 62 tháng x 1,35%/tháng = 10.622.000.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Bản án dân sự sơ thẩm số 276*/2020/DS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận B đã quyết định:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn là Bà Nguyễn Thị Kim L phải trả cho nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C số tiền 12.690.729.000 (Mười hai tỷ sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn) đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty Cổ phần K chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi.

**2.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả cho nguyên đơn lãi suất chậm trả là 10.622.000.000 (Mười tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu) đồng.

Ngoài ra còn tuyên quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/10/2020 ông Huỳnh Thanh N là người đại diện hợp pháp của Bà L nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm vì cho rằng việc Tòa án nhân dân Quận B thụ lý và giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Bà L phải trả cho nguyên đơn số tiền 12.690.729.000 đồng là không có căn cứ, không đúng pháp luật vì bản chất của quan hệ tranh chấp là hợp đồng cho vay có tính chất kinh doanh nên phải là tranh chấp kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trong quan hệ vay này trên thực tế các bên đã thống nhất giải quyết xong chấm dứt mọi nợ naàn hay quyền lợi giữa các bên. Công ty đã nhận toàn bộ tài sản của Bà L để xử lý thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của bên vay được thể hiện rõ trong Văn bản ủy quyền số 014875 lập ngày 27/6/2014 tại Phòng Công chứng số 2 Thành phố H. Từ đó đến nay các bên không có bất kỳ giao dịch nào khác vì bên vay đã ñeả cho phía bên công ty tùy ý xử lý tài sản mà bên vay đã giao. Tòa xác định quan hệ tranh chấp là đòi tài sản là không đúng. Tòa thụ lý giải quyết vụ án khi không còn thời hiệu khởi kiện là trái với quy định tại Điều 162, Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 159, điểm h khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011 vì đã quá 02 năm tính từ ngày 22/01/2015. Vì các lý do trên đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn không rút đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa những người đứng tên trong các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Bà L đã thế chấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: thời hạn kháng cáo của bị đơn đều còn trong thời hạn luật định.

[2]. Về nội dung: yêu cầu kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[2.1]. Về xác định quan hệ tranh chấp.

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C khởi kiện xác định cho Bà L vay 6.000.000.000 đồng theo 02 Hợp đồng hỗ trợ vốn số 0709/2009/HTV.AFI ngày 19/9/2009 và Hợp đồng hỗ trợ vốn số 1010/2009/HTV.AFI ngày 02/10/2009. Do Bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/01/2015 hai bên tiến hành lập biên bản làm việc xác định công nợ giữa hai bên tính tới thời điểm ngày 22/01/2015 Bà L còn nợ tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ hai Hợp đồng nêu trên là 12.690.729.000 đồng.

Xét, ngày 13/7/2020 phía nguyên đơn có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện ban đầu ngày 05/4/2020 phía nguyên đơn yêu cầu trả số nợ 12.690.729.000 đồng và lãi suất chậm trả là 10.622.000.000 đồng nay xin thay đổi lại yêu cầu cụ thể buộc bị đơn trả tổng số tiền là 15.788.529.000 đồng trong đó số tiền nợ và lãi là 12.690.729.000 đồng + tiền phạt chậm trả là 3.097.800.000 đồng. Tại phiên tòa phía nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số nợ 12.690.729.000 đồng không yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả là 10.622.000.000 đồng và tiền lãi phạt tiền phạt chậm trả là 3.097.800.000 đồng.

Trong suốt quá trình thụ lý cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều xác định quan hệ tranh chấp là tranh hợp đồng vay tài sản và áp dụng các điều luật để giải quyết tranh chấp này là đúng. Nhưng tại bản án dân sự sơ thẩm Tòa cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ tranh chấp là kiện đòi tài sản là không đúng bản chất nội dung tranh chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2]. Về thủ tục niêm yết tống đạt:

Xét, tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/7/2020 (Bút lục số 110) không thể hiện sự vắng mặt và lý do vắng mặt của bị đơn, sau khi tiến hành mở phiên họp lại không tiến hành niêm yết biên bản này cho bị đơn là vi phạm khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3].Về trình tự thu thập chứng cứ:

Xét, tại các quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ (Bút lục số 99, 100) Tòa lại xác định bị đơn là Công ty Cổ phần K người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị Kim L là không đúng.

Xét, ngày 14/8/2020 nguyên đơn có Đơn đề nghị về yêu cầu Tòa gửi công văn đề nghị các cơ quan có thẩm quyền tạm ngưng mọi hành vi chuyển dịch và cấp phó bản cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bút lục số 41). Khi nguyên đơn đưa ra chứng cứ là phiếu cung cấp thông tin địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai huyện H cho biết: "Hiện thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số H00555 do UBND huyện H cấp ngày 05/02/2007 hiện vẫn do bà Nguyễn Thị V đứng tên. Nhưng Tòa cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết có chấp nhận hay không chấp nhận đơn này của nguyên đơn và cũng không đưa bà V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót vi phạm tố tụng.

Xét, trong Biên bản không tiến hành được phiên hòa giải (Bút lục số 111). Phía nguyên đơn thừa nhận đang giữ bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên bị đơn và sẽ trả lại khi bị đơn trả hết số nợ cho nguyên đơn. Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ 12.690.729.000 đồng cho nguyên đơn nhưng không buộc nguyên đơn phải trả lại bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị đơn đã thế chấp để đảm bảo cho khoản tiền vay là không giải quyết triệt để vụ án không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Xét thấy, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên người đứng tên quyền sử dụng đất là Lê Đình T và Lê Đình G không phải là Bà L. Sau khi nhận bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này từ Bà L. Ngày 23/10/2009 phía nguyên đơn đã giao bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho Sở giao dịch - Ngân hàng TMCP P mà không biết lý do nội dung bàn giao cũng không có bằng chứng nào thể hiện việc bàn giao này được sự đồng ý của Bà L người thế chấp các tài sản này. Tòa cấp sơ thẩm đã không đưa những người đứng tên trong các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đưa Ngân hàng Thương mại Cổ phần P vào tham gia với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan để làm rõ Bà L có phải là người có quyền sử dụng hợp pháp những tài sản thế chấp hay không? Tại sao tài sản Bà L thế chấp cho nguyên đơn mà Ngân hàng Đ lại giữ các giấy chứng nhận này mà lại nhận định "*trong vụ án ngày ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn… không có ai có yêu cầu độc lập"* là không đúng, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

[2.4]. Xét, Từ những phân tích nêu trên đã thể hiện Tòa cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trình tự thủ tục tố tụng. Thấy, những vi phạm này Tòa cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Cần lưu ý khi giải quyết lại vụ án cần làm rõ có hay không việc bên chốt nợ và thanh lý khoản nợ bằng các tài sản thế chấp và việc thế chấp cũng như việc xử lý tài sản thế chấp có hợp pháp hay không, Bà L có phải là chủ sử dụng hợp pháp tài sản thế chấp không, cần phải xem xét về thời hiệu khởi kiện có còn hay không khi một trong các bên có yêu cầu về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] .Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do hủy án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 148, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị Kim L.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà L không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại Bà L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0041679 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND Cấp cao tại TPH;
- VKSND Cấp cao tại TPH;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thủy**